

Số: 31/2022/TT-BCA

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự của lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân

BỘ TƯ PHÁP

Đến ngày 26.8

Số 10888

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020);

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự của lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự của lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ của lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bảo vệ cường chế thi hành án dân sự.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ cường chế thi hành án dân sự

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Bảo đảm an toàn về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự.

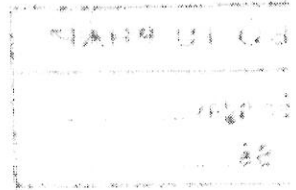
3. Nghiêm cấm việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Thực hiện bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự khi có văn bản yêu cầu và kế hoạch về việc cưỡng chế của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Chương II

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

BẢO VỆ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Điều 4. Xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự

1. Căn cứ để xây dựng kế hoạch và phương án:

a) Quyết định cưỡng chế thi hành án dân sự và kế hoạch cưỡng chế thi hành án dân sự của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;

b) Chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Kết quả khảo sát thực tế, nắm tình hình đối tượng, địa bàn tiến hành bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự;

d) Nội dung, mục đích, yêu cầu, tính chất vụ việc cưỡng chế thi hành án dân sự để xác định các lực lượng liên quan tham gia bảo vệ cưỡng chế.

2. Nội dung kế hoạch:

a) Mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự;

b) Thời gian, địa điểm triển khai thực hiện kế hoạch;

c) Đặc điểm nhân thân, mối quan hệ gia đình, xã hội, thái độ chấp hành pháp luật của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế dân sự; tình hình địa bàn, dân cư, an ninh trật tự tại nơi tiến hành bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự;

d) Các lực lượng tham gia bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng lực lượng tham gia bảo vệ cưỡng chế;

đ) Phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ; các điều kiện bảo đảm khác cho các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự;

e) Đối với những vụ việc cưỡng chế thi hành án dân sự có khả năng xảy ra nhiều diễn biến phức tạp về an ninh trật tự, người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và thân nhân của họ có biểu hiện chống đối quyết liệt thì phải có lực lượng dự phòng và tăng cường thêm các phương tiện, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cần thiết.

3. Nội dung phương án:

- a) Căn cứ yêu cầu, nội dung kế hoạch và tính chất của vụ việc bảo vệ cường chế thi hành án dân sự để xây dựng phương án, trong đó dự kiến các tình huống đột xuất có thể xảy ra, biện pháp xử lý cụ thể và sơ đồ kèm theo;
- b) Quy ước phối hợp giữa các lực lượng và quy ước thông tin liên lạc;
- c) Trường hợp cần thiết phải tổ chức diễn tập phương án, giải quyết thành thạo các tình huống.

4. Việc xây dựng nội dung kế hoạch, phương án bảo vệ cường chế thi hành án dân sự phải trao đổi, thống nhất giữa lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp với cơ quan thi hành án dân sự trước khi trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt. Kế hoạch, phương án đã được phê duyệt phải gửi cho cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp để kịp thời phối hợp triển khai thực hiện.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ cường chế thi hành án dân sự

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của người chỉ huy:

- a) Phổ biến, quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ nắm vững mục đích, yêu cầu và biện pháp tiến hành theo kế hoạch, phương án đã phê duyệt; giao nhiệm vụ cho từng lực lượng, từng tổ, từng người tham gia bảo vệ cường chế thi hành án dân sự;
- b) Kiểm tra việc nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ được phân công của cán bộ, chiến sĩ tham gia bảo vệ cường chế thi hành án dân sự và công tác chuẩn bị về phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ để bảo vệ cường chế thi hành án dân sự;
- c) Tổ chức cán bộ, chiến sĩ diễn tập phương án và xử lý các tình huống dự kiến xảy ra (nếu cần thiết);
- d) Khi có căn cứ xác định việc cường chế dân sự có khả năng diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội mà lực lượng tiến hành bảo vệ cường chế thi hành án dân sự chưa có biện pháp khắc phục, giải quyết thì đề nghị người chủ trì việc cường chế xem xét, quyết định tạm dừng việc cường chế thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chiến sĩ:

- a) Có mặt tại địa điểm cường chế dân sự trong quá trình cơ quan thi hành án dân sự thực hiện cường chế; trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu hợp pháp của người chủ trì cường chế;
- b) Yêu cầu những người không liên quan ra khỏi khu vực cường chế dân sự; quan sát thái độ chấp hành của người bị áp dụng biện pháp cường chế và những người có liên quan để kịp thời ngăn chặn các hành vi cản trở, chống đối, gây rối trật tự, tẩu tán tài sản hoặc lợi dụng ghi âm, ghi hình, chụp ảnh có thể gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự; quan sát, bảo vệ khu vực cường chế và việc

di chuyển tài sản, khi phát hiện có biểu hiện bất thường phải báo cáo ngay người chỉ huy để kịp thời ngăn chặn, xử lý;

c) Báo cáo và thực hiện mệnh lệnh của người chỉ huy đối với các tình huống đột xuất xảy ra như tụ tập đông người, gây kích động tiêu cực đẫm người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế dân sự và những người có liên quan.

Điều 6. Kết thúc bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự

Sau khi cưỡng chế thi hành án dân sự được công bố kết thúc, người chỉ huy yêu cầu cán bộ, chiến sĩ tham gia bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự phải bảo vệ hiện trường, thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ công tác điều tra (nếu có); tổ chức kiểm tra quân số, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm; tổng hợp báo cáo kết quả; đề nghị khen thưởng (nếu có).

Điều 7. Xử lý một số tình huống xảy ra trong quá trình bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự

1. Trước khi triển khai việc cưỡng chế thi hành án dân sự nếu phát hiện người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và thân nhân của họ hoặc các đối tượng khác có sự chuẩn bị về vũ khí, vật liệu nổ, chất cháy thì đơn vị được giao nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bổ sung vào kế hoạch, phương án bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự.

2. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế dân sự và thân nhân của họ hoặc các đối tượng khác phản ứng, có hành vi không chấp hành việc cưỡng chế như lăng mạ, cản trở, chống người thi hành công vụ thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự yêu cầu họ bình tĩnh, tôn trọng pháp luật và lắng nghe ý kiến của người có trách nhiệm giải thích.

3. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế dân sự và thân nhân của họ hoặc các đối tượng khác vẫn tiếp tục lăng mạ, cản trở, chống người thi hành công vụ, có biểu hiện chống đối quyết liệt, tự thương, tự sát thì cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự báo cáo người chỉ huy để nhanh chóng triển khai theo phương án đã được phê duyệt và tuân thủ mệnh lệnh của người chỉ huy nhằm bảo vệ an toàn cho những người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và thân nhân của họ; người tham gia cưỡng chế; tài sản cưỡng chế.

4. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế dân sự và thân nhân của họ hoặc các đối tượng khác có hành vi tẩu tán hoặc phá hoại đồ vật, tài sản cưỡng chế thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ phải kịp thời báo cáo người chỉ huy để xử lý theo quy định, ngăn chặn, khống chế và bảo đảm an toàn đồ vật, tài sản cưỡng chế.

5. Trường hợp gặp sự cản trở, chống đối của số đối tượng quá khích, có tình gây mất an ninh trật tự, trong đó có người già, trẻ em, phụ nữ, bệnh tật

hiểm nghèo thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự báo cáo người chỉ huy để nhanh chóng triển khai theo phương án, kịp thời ngăn chặn, kiên trì giải thích, thuyết phục, không có lời nói, hành vi thô bạo đối với họ, tránh gây căng thẳng không cần thiết, hạn chế thấp nhất việc đối đầu gây bất bình, lấy giáo dục thuyết phục là chính, khéo léo giải quyết các mâu thuẫn. Chú ý quan sát, phát hiện số đối tượng cầm đầu những đối tượng quá khích dễ cảm hóa, làm giảm bớt sự bức xúc có thể bộc phát dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, sẵn sàng không chế, bắt giữ đối tượng vi phạm pháp luật khi có lệnh của người chỉ huy, không để ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, tính mạng, sức khỏe của những người tham gia cường chế và tiến hành làm thủ tục bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp phát hiện có vũ khí, vật liệu nổ, chất cháy thì người chỉ huy yêu cầu cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự phải nhanh chóng sơ tán quần chúng nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm đồng thời người chỉ huy ra lệnh khoanh vùng, đề nghị người chủ trì vụ việc cường chế thi hành án dân sự dừng ngay việc cường chế và báo cáo cấp có thẩm quyền điều động đơn vị có chuyên môn, nghiệp vụ để xử lý.

7. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn như cháy, nổ, sập công trình thì lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp làm nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự phối hợp với các lực lượng tham gia khẩn trương sơ tán mọi người ra khỏi khu vực nguy hiểm; thực hiện các biện pháp, sử dụng các phương tiện để khắc phục sự cố, tai nạn và cấp cứu người bị thương (nếu có); bắt giữ ngay người có hành vi vi phạm pháp luật, bàn giao cho lực lượng chức năng giải quyết và phối hợp với Công an sở tại khoanh vùng, bảo vệ hiện trường phục vụ công tác điều tra đồng thời người chỉ huy đề nghị cấp có thẩm quyền điều động lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các lực lượng liên quan khác để tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng tham gia cường chế thi hành án dân sự

1. Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ cường chế thi hành án dân sự:

Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự, có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 169 Luật Thi hành án dân sự; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an quy định cụ thể việc phối hợp bảo vệ cường chế trong thi hành án dân sự; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư liên tịch số 265/2013/TTLT-BQP-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định việc phối hợp bảo vệ cường chế thi hành án dân sự trong Quân đội.

2. Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong Công an nhân dân tham gia bảo vệ cường chế thi hành án dân sự:

a) Khi có vụ việc xảy ra thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nào thì cơ quan đó chủ trì xử lý, các cơ quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp. Trường hợp vụ việc xảy ra thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều người hoặc nhiều cơ quan thì người hoặc cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm giải quyết vụ việc theo thẩm quyền, sau đó chuyển giao cho người hoặc cơ quan có thẩm quyền chính giải quyết; nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của các lực lượng đang làm nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành án dân sự thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Khi có vụ việc xảy ra mà thẩm quyền giải quyết của mỗi giai đoạn khác nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan khác nhau thì các cơ quan cùng bàn bạc, thống nhất, giải quyết.

3. Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp với các lực lượng khác trong Công an nhân dân:

a) Lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp chủ trì, phối hợp với các lực lượng khác trong Công an nhân dân xây dựng kế hoạch, phương án, giao nhiệm vụ cụ thể cho người chỉ huy chung, người chỉ huy từng lực lượng và phân công trách nhiệm cho các đơn vị chức năng trong việc tham gia bảo vệ cường chế thi hành án dân sự. Đảm bảo lực lượng, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ để phục vụ cho việc bảo vệ cường chế thi hành án dân sự;

b) Các lực lượng khác trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ phối hợp bảo vệ cường chế thi hành án dân sự phải tuân thủ mệnh lệnh và điều hành trực tiếp của người chỉ huy thuộc lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

Điều 9. Kinh phí bảo vệ cường chế thi hành án dân sự

Chế độ và mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ việc bảo vệ cường chế thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của Nhà nước về kinh phí cường chế thi hành án dân sự.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2022.
2. Thông tư này thay thế Quyết định số 1501/2008/QĐ-BCA(C11) ngày 10 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành kèm theo Quy trình hỗ trợ cường chế thi hành án dân sự của lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an nhân dân.

3. Trường hợp những văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì những nội dung liên quan đến Thông tư này cũng sẽ được thay đổi theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc Thông tư này.

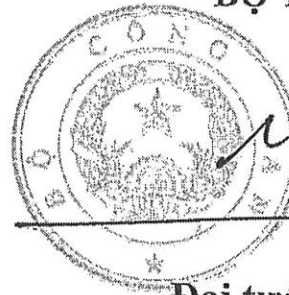
2. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng) để có hướng dẫn kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Bộ Quốc phòng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng BCA;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công an;
- CA các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, V03, C11(P5).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm

